

PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ QUYẾT TOÁN

Công trình: Tuyến đường Ngõ Cắm - xóm Núi

(Kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của Chủ tịch UBND xã Ba Gia)

STT	Cơ cấu	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị quyết toán (1)	Giá trị dự toán (dự thầu) chi tiết được duyệt (2)	Giá trị Chủ đầu tư trình (3)	Tăng (+), giảm (-); dự toán (2) so với (1)	Tăng (+), giảm (-); Chủ đầu tư (3) so với (1)	Chi chú
I	Chi phí xây dựng								
1	Giá trị xây dựng		Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	676.230.000	688.754.000	676.230.000	12.524.000	-	
	* Tổng cộng	G_{XD}		676.230.000	688.754.000	676.230.000	12.524.000	-	
2	Chi phí xây dựng trước thuế	G	G _{XD} / 1,1		399.832.891	540.984.000			
II	Chi phí quản lý dự án (BQL)	BQL		13.840.000	13.840.000	13.840.000	-	-	
III	Chi phí tư vấn (TV)								
1	Chi phí khảo sát	a 1	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	11.340.000	11.550.380	11.340.000	210.380	-	
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	a 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	13.524.000	13.775.080	13.524.000	251.080	-	
3	Chi phí lập HSYC, đánh giá HSĐX	a 3		-	1.429.853	-	1.429.853	-	
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	a 4	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	17.352.000	17.673.427	17.352.000	321.427	-	
5	Thẩm tra thiết kế BVTC - Dự toán	a 5		-	2.777.056	-	2.777.056	-	
	* Tổng cộng	TV	(a1 +a5)	42.216.000	47.206.000	42.216.000	4.990.000	-	
IV	Chi phí khác (CK)								
1	Chi phí bảo hiểm	b 1		-	1.797.648	-	1.797.648	-	
2	Lệ phí thẩm định BCKTKT	b 2	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	-	416.550	-	416.550	-	
3	Chi phí thẩm tra quyết toán	b 3	Theo giá trị chủ đầu tư đề nghị	500.000	4.560.000	500.000	4.060.000	-	
4	Lệ phí thẩm định HSMT	b 4		-	1.565.350	-	1.565.350	-	
5	Lệ phí thẩm định kết quả LCNT	b 5		-	1.565.350	-	1.565.350	-	
	* Tổng cộng	CK	(b1 ...+b5)	500.000	9.905.000	500.000	9.404.898	-	
V	Dự phòng	DP		-	40.295.000	-	40.295.000	-	
VI	Tổng kinh phí	TQT	(G _{XD} +BQL+TV+CK+DP)	732.786.000	800.000.000	732.786.000	67.214.000	-	

PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ
Công trình: Tuyến đường Ngõ Cẩm - xóm Núi

(Kèm theo Quyết định số 239 /QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND xã)

STT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị quyết toán	Giá trị đã cấp, thanh toán cho công trình (Dự án) tính đến ngày đối chiếu K.Bạc	Nợ phải trả (+)	Nợ phải thu (-)
I	Chi phí xây dựng					
1	Giá trị xây lắp đã giảm trừ		676.230.000	676.230.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>	Công ty TNHH MTV xây dựng Hữu Chức	676.230.000	676.230.000	-	-
II	Chi phí quản lý dự án	Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hà Tiên	13.840.000	13.840.000	-	-
III	Chi phí tư vấn					
1	Chi phí khảo sát	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Tân Phát	11.340.000	11.340.000	-	-
2	Chi phí lập BCKTKT xây dựng công trình	Công ty TNHH MTV Tư vấn xây dựng Tân Phát	13.524.000	13.524.000	-	-
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Công ty TNHH Một Thành viên Lê Nghiêm	17.352.000	17.352.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		42.216.000	42.216.000	-	-
IV	Chi phí khác					-
1	Chi phí thẩm tra quyết toán	Phòng Kinh tế xã Ba Gia	500.000	500.000	-	-
	<i>* Tổng cộng</i>		500.000	500.000	-	-
V	Tổng cộng		732.786.000	732.786.000	-	-

